

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN XUÂN TRƯỜNG  
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 32/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 28-3-2025

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly  
hôn giữa chị H và anh T

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, TỈNH NAM ĐỊNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Long.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Vũ Thúy Nga;

Bà Nguyễn Thu Phương.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Mai Vi Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:** Bà Khổng Thị Tươi - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 02/2025/TLST-HNGĐ ngày 14/01/2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/02/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2025/QĐST-NHGD ngày 13/3/2025 giữa các đương sự;

- **Nguyên đơn:** Chị Phạm Thị H, sinh năm 1989; Địa chỉ: Thôn T, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; “có đơn xin xét xử vắng mặt”.

- **Bị đơn:** Anh Trần Văn T, sinh năm 1985; Địa chỉ: Thôn T, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; “vắng mặt”.

- **Người làm chứng:** Bà Phạm Thị T1, sinh năm: 1959; Địa chỉ: Thôn T, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; bà T1 xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai quá trình giải quyết nguyên đơn chị Phạm Thị H trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Văn T tự nguyện tìm hiểu đi đến hôn nhân đã được Ủy ban nhân dân xã X, huyện X, tỉnh Nam Định cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 17/7/2012. Chị và anh T mâu thuẫn nguyên nhân là do tính tình lối sống không hòa hợp, bất đồng quan điểm, vợ chồng không có tiếng nói chung. Nay chị xác định vợ chồng không còn tình cảm, hạnh phúc đã tan vỡ nên nguyện vọng của chị xin được ly hôn anh Trần Văn T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên là Trần Tuấn H1, sinh ngày 09/9/2013 và Trần Tuấn Đ, sinh ngày 13/9/2015. Hiện cả hai con chung đang ở với chị và anh T. Khi ly hôn chị xin nhận nuôi cả hai con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi các văn bản tố tụng cho anh Trần Văn T, anh T đi làm ăn ở Hà Nội không có mặt tại địa phương, Tòa án đã gửi các văn bản tố tụng và giấy báo theo quy định của pháp luật, mẹ đẻ của anh T là bà Phạm Thị T1 đều ký nhận thay và đã thông tin lại để anh T được biết, anh T cũng đã biết việc chị H có đơn xin ly hôn anh, nhưng anh T không đến Tòa án cũng như không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án về việc chị Phạm Thị H xin ly hôn.

*Người làm chứng bà Phạm Thị T1 – mẹ đẻ của bị đơn anh Trần Văn T trình bày:*

Bà là mẹ đẻ của bị đơn anh Trần Văn T. Bà đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án và các giấy báo mà Tòa án gửi cho anh T, bà đã thông tin ngay để anh T được biết và anh T cũng đã biết về việc chị H có đơn xin ly hôn anh. Anh T đi làm ăn ở Hà Nội, nên các văn bản tố tụng và giấy báo của Tòa án bà đều đã nhận thay anh T và đều thông tin lại cho anh T.

Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị H có đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã X. Thời gian đầu, anh T và chị H sống tại nhà của bà. Trong cuộc sống vợ chồng anh T và chị H đôi khi xảy ra mâu thuẫn do tính tình, lối sống không hòa hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm là điều không tránh khỏi. Hai bên gia đình cũng đã động viên khuyên giải nhưng không có kết quả. Nay chị H có đơn xin ly hôn anh T thì gia đình bà mong muốn vợ chồng anh T chị H đoàn tụ, để cùng nhau nuôi dạy con cái. Trường hợp, chị H nhất quyết ly hôn anh T, thì đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết.

Về con chung: Vợ chồng anh T và chị H có 02 con chung tên là Trần Tuấn H1, sinh ngày 09/9/2013 và Trần Tuấn Đ, sinh ngày 13/9/2015. Hiện cả hai con chung đang ở với chị H và anh T. Trường hợp chị H và anh T ly hôn, việc con chung ở với ai do anh T và chị H tự quyết định.

Về tài sản chung và công nợ: Anh T và chị H không có tài sản chung, không liên quan kinh tế với bà, còn liên quan kinh tế với ai thì bà không nắm được.

Tại bản tự khai của cháu Trần Tuấn H1 và Trần Tuấn Đ: cả hai cháu đều khai nếu bố mẹ cháu ly hôn thì cháu có nguyện vọng muốn ở với mẹ.

*Kết quả thu thập chứng cứ tại UBND xã X:*

Chị Phạm Thị H và anh Trần Văn T là người có nơi cư trú tại xã X.

Khi Tòa án gửi các văn bản tố tụng thông qua địa phương để tổng đạt cho anh Trần Văn T, theo phiếu báo phát thì mẹ đẻ của anh T đã nhận các văn bản tố tụng và giấy báo của Tòa án, anh T cũng đã biết việc chị H có đơn xin ly hôn anh, và đã được mẹ đẻ thông tin về việc Tòa án báo gọi nhiều lần nhưng anh T đều vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc tại Tòa án.

\* Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị H và anh Trần Văn T tự nguyện tìm hiểu đi đến hôn nhân đã được Ủy ban nhân dân xã X, huyện X, tỉnh Nam Định cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 17/7/2012. Chị H và anh T mâu thuẫn nguyên nhân là do tính tình lối sống không hòa hợp, bất đồng quan điểm, vợ chồng không có tiếng nói chung. Chị H xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, có níu kéo cũng không mang lại hạnh phúc, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T. Căn cứ vào lời trình bày của chị H cũng như thực trạng hôn nhân của các bên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho chị H được ly hôn anh T.

\* Về con chung: Chị H và anh T có 02 con chung tên là Trần Tuấn H1, sinh ngày 09/9/2013 và Trần Tuấn Đ, sinh ngày 13/9/2015. Hiện cả hai con chung đang ở với chị H và anh T. Khi ly hôn chị H xin nhận nuôi cả hai con và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện chị H đang là công nhân may, thu nhập ổn định khoảng 10.000.000 đồng/tháng. Căn cứ vào lời trình bày của chị H cũng như thực tế cả hai con chung có nguyện vọng muốn ở với chị H đề nghị Tòa án giao cả hai con chung cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp.

\* Về tài sản, công nợ: Chị H không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường công bố bài phát biểu tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, các đương sự tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành theo quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành theo quy định của pháp luật.

Nội dung: Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình: Đề nghị Hội đồng xét xử, xử ly hôn giữa chị Phạm

Thị H và anh Trần Văn T.

Về con chung: Giao cho Phạm Thị H tiếp tục trực tiếp, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cả hai con chung là Trần Tuấn H1, sinh ngày 09/9/2013 và Trần Tuấn Đ, sinh ngày 13/9/2015. Anh Trần Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng theo quy định của pháp luật; bị đơn chưa chấp hành theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị H và anh Trần Văn T đến với nhau tự nguyện và đăng ký kết hôn hợp pháp. Trong quá trình chung sống chị H và anh T sống không hạnh phúc hay xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình lối sống không hoà hợp, bất đồng quan điểm, vợ chồng không có tiếng nói. Khi mâu thuẫn xảy ra, hai bên gia đình đã động viên, khuyên giải để hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng không có kết quả. Khi Tòa án gửi các văn bản tố tụng và giấy báo nhiều lần cho anh T nhưng anh T không đến Tòa án để làm việc, cũng không gửi ý kiến bằng văn bản của mình cho Tòa án về việc chị H xin ly hôn. Điều đó chứng tỏ anh T không thiết tha mặn mà với cuộc hôn nhân của vợ chồng. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị H và anh T là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, chị H xin ly hôn anh T là phù hợp nên HĐXX sẽ chấp nhận yêu cầu của chị H là xử cho ly hôn với anh T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị H và anh T có hai con chung là Trần Tuấn H1, sinh ngày 09/9/2013 và Trần Tuấn Đ, sinh ngày 13/9/2015. Hiện cả hai con chung đang ở với chị H và anh T. Khi ly hôn chị H xin nhận nuôi cả hai con và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện chị H đang làm công nhân may, thu nhập khoảng 10.000.000 đồng/tháng. Căn cứ vào lời trình bày của chị H cũng như thực tế cả hai con chung đều có nguyện vọng muốn ở với chị H và để con chung có nơi ăn, chốn ở và môi trường học tập ổn định, tránh xáo trộn về tâm lý của trẻ, nhằm đảm bảo quyền, lợi ích về mọi mặt của con chung chưa thành niên, nên HĐXX quyết định giao cả hai cho con chung cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Trần Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và được quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản: Chị Phạm Thị H không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết là

phù hợp.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý về sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Phạm Thị H và anh Trần Văn T.

2. Về con chung: Giao cho chị Phạm Thị H tiếp tục trực tiếp chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng 02 con chung tên là Trần Tuấn H1, sinh ngày 09/9/2013 và Trần Tuấn Đ, sinh ngày 13/9/2015. Anh Trần Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Chị Phạm Thị H không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết là phù hợp.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị H2 phải nộp án phí ly hôn là 300.000đ được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số 0000339 ngày 14/01/2025 Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định; chị Phạm Thị H đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh: 01 bản;
- VKSND tỉnh + huyện: 02 bản;
- Chi cục THADS huyện: 01 bản;
- UBND xã : 01 bản;
- Các đương sự : 02 bản;
- Lưu hồ sơ: 02 bản;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**ĐÃ KÝ**

**Phạm Ngọc Long**



































